

Số: 55/QĐ-THPTTL

TP Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công khai Dự toán - Thực Hiện Dự toán thu chi quý I/2022

Căn cứ Quyết định số 2611/QĐ-UB ngày 12/07/2001 của UBND TP Hồ Chí Minh về việc thành lập trường THPT Trung Lập.

Căn cứ quyết định số 1862/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2005 của UBND TP Hồ Chí Minh, cho phép đổi tên các trường phổ thông trung học và trường Phổ thông cấp 2-3 thành trường Trung học phổ thông

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Quyết định số 2322/QĐ-GDDT ngày 27/12/2021, của Giám đốc Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Thực Hiện Dự toán thu chi quý I/2022 của Trường THPT Trung Lập (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Văn phòng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết PGV;
- BGH;
- Lưu VT,



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THPT TRUNG LẬP

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THPTTL ngày 05/04/2022 của Trường THPT Trung lập)

Đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ	-	
2.1	Học phí	-	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	-	
2.3	Căn tin	-	
2.4	Giữ xe	-	
2.5	Hồ bơi	-	
2.6	Điện năng lượng mặt trời		
2.7	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	-	
3.1	Phí -lệ phí	-	
3.2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
3.2.1	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	-	
3.2.2	Căn tin		
3.2.3	Giữ xe		
3.2.4	Hồ bơi		
3.2.5	Điện năng lượng mặt trời	-	
3.2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)	-	
4	Thu viện trợ, tài trợ		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	
1	Phí -lệ phí		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	-	
2.1	Học phí	-	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	-	
2.3	Căn tin	-	
2.4	Giữ xe	-	
2.5	Hồ bơi	-	
2.6	Điện năng lượng mặt trời	-	
2.7	Thu lãi ngân hàng (nếu có)	-	
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.228.260.000	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	8.228.260.000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường xuyên)		
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.777.514.000	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)	1.450.746.000	

Ngày 05 tháng 04 năm 2022

TRƯỜNG
TRUNG LẬP
 Võ Thị Kim Bi

Đơn vị: TRƯỜNG THPT TRUNG LẬP

Chương: 422

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-THPTTL ngày 05/04/2022 của Trường THPT Trung Lập)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu	-	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	-	
	Học phí		
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày		
	Căn tin		
	Giữ xe		
	Hồ bơi		
	Điện năng lượng mặt trời		
	Thu lãi ngân hàng		
3	Thu sự nghiệp khác	-	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	-	-
1.1	Chi học phí công lập	-	-
	Trả lương cho nhân viên phục vụ, bảo vệ, thiết bị		
	Công tác giám thị		
	Mua đồ dùng vệ sinh, văn phòng phẩm		
	Mua đồng phục bảo vệ, TĐTT, GDQP		
	Tiền xe đưa giáo viên đi công tác, đi hội thao văn thể mỹ		
	In sổ điểm, giấy khen, phiếu điểm		
	Tổ chức chuyên đề chuyên môn, văn thể mỹ		
	Thuê máy photocopy, sửa chữa máy chiếu, bảo trì máy vi tính		
	Ban thanh tra nhân dân		
	Đăng thông tin trường trên báo Xuân		
	Huấn luyện câu lạc bộ TĐTT		
	Chi phụ trách QL Website, công tác tổ chức		
	Đồ dùng dạy học		
	Khám sức khỏe học sinh		
1.2	Chi tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	-	-
	Giảng dạy		
	Công tác giám thị		
	GVCN, TTCM, TLTN, CTCĐ, BTCĐGV		
	Quản lý, bộ phận gián tiếp		
	Chi hoạt động chuyên môn, văn thể mỹ, sách tham khảo		
	Chi hoạt động: tiền điện, internet, dịch vụ công cộng khác		
	Mua sắm công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm, đồ dùng vệ sinh		
	Sửa chữa nhỏ, bảo trì hệ thống điện nước, máy móc thiết bị, cây xanh		
	Thanh toán lương cho nhân viên hợp đồng		
1.3	Hoạt động cho thuê mặt bằng	-	-
	Trích nguồn CCTL	-	



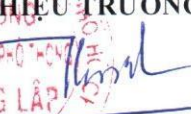
Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	
1.4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	
	Thanh toán các phí chuyển tiền và quản lý TK		
	Trích nguồn CCTL	-	
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	
1.5	Hoạt động sự nghiệp khác (ôn tập thi TN)	-	-
	Giảng dạy		
	Công tác giám thị		
	Quản lý và bộ phận gián tiếp		
	Hỗ trợ hoạt động		
C	Số thu nộp NSNN	-	
	Hoạt động cho thuê mặt bằng (thuế GTGT, TNDN, môn bài)		
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày (thuế TNDN)	-	
	Điện năng lượng mặt trời (thuế GTGT, TNDN)	-	
	Thu lãi ngân hàng (thuế TNDN)	-	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.685.376.562	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.685.376.562	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	822.640.953	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	13.007.703	
6101	Phụ cấp chức vụ	16.762.503	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	227.456.664	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	1.117.500	
6114	Phụ cấp trực		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	128.204.548	
6149	Phụ cấp khác	660.000	
6299	Chi khác	1.536.000	
6301	Bảo hiểm xã hội	171.607.744	
6302	Bảo hiểm y tế	29.418.471	
6303	Kinh phí công đoàn	19.612.314	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	9.806.156	
6449	Chi khác	182.100.000	
6501	Tiền điện	15.695.452	
6502	Tiền nước	-	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	-	
6551	Văn phòng phẩm	11.891.000	
6599	Vật tư Văn phòng khác	4.764.800	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	190.754	
6603	Cước phí bưu chính		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	1.937.100	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	8.392.000	
6618	Khoản điện thoại	1.800.000	
6704	Khoản công tác phí	6.900.000	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	8.000.000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	1.370.000	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	504.900	

CAO THẠ
 TRƯỞNG
 HỌC PHỔ TỈNH
 LẬP
 HUY

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
1.2	Chi cải cách tiền lương (Thường xuyên)	-	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc		
6003	Lương hợp đồng theo chế độ		
6101	Phụ cấp chức vụ		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		
6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		
6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		
1.3	Chi cải cách tiền lương (Không Thường xuyên)	-	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc		
6003	Lương hợp đồng theo chế độ		
6101	Phụ cấp chức vụ		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		
6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		

Ngày 05 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



TRUNG LẬP

★ Võ Thị Kim Bì

HO H C